

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 920/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Cố: 5
	Ngày: 15/5/2025

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định nhà nước tại Báo cáo số 2329/BC-HĐTĐNN ngày 28 tháng 02 năm 2025 về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; đề nghị của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tại các Văn bản số: 98/BC-BDTTG ngày 21 tháng 3 năm 2025, 294/BC-BDTTG

ngày 09 tháng 4 năm 2025, 356/BC-BD TTG ngày 15 tháng 4 năm 2025, 443/TTr-BD TTG ngày 24 tháng 4 năm 2025 và 572/BD TTG-VPQGDTMN ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt Quyết định điều chỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (chi tiết nội dung điều chỉnh kèm theo).

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Chương trình).

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, nội dung công việc đang triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực hành thi tiếp tục thực hiện theo đúng kế hoạch, danh mục, quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp có thay đổi về mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn được giao để thực hiện Chương trình sau điều chỉnh, các cơ quan chủ quản Chương trình rà soát, đề xuất, có văn bản gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh theo quy định hiện hành.

3. Việc tổ chức triển khai Chương trình sau điều chỉnh tại các địa phương sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 4.

1. Các Bộ, cơ quan: Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Quốc phòng, Công an, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về thông tin, số liệu, đối tượng, nội dung điều chỉnh và hồ sơ trình phê duyệt Quyết định điều chỉnh Chương trình.

2. Bộ Dân tộc và Tôn giáo khẩn trương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình sau điều chỉnh, hoàn thành trước ngày 31 tháng 5 năm 2025.

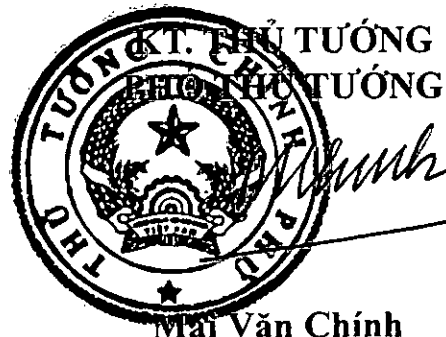
Điều 5. Các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện Chương trình sau điều chỉnh, bảo đảm nguyên tắc đầy mạnh phân cấp, ủy quyền và đi đôi với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm; phù hợp với các quy định hiện hành, không vượt tổng mức kinh phí thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình nhưng không hợp thức hóa sai phạm, không để xảy ra tình trạng lợi dụng chính sách, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTGCP, Thư ký PTTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QHĐP (03) S.Tùng. *120*





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 340/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc; các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; các trung tâm y tế huyện, bệnh viện tuyến huyện; các di tích, dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch nằm trong và ngoài danh mục địa bàn xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

II. ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Mục tiêu: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) Đối tượng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư;
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư;

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước;

- Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

+ Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư;

+ Khai hoang đất sản xuất;

+ Đầu tư xây dựng: Đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

- Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình:

+ Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở);

+ Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư;

+ Thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ.

- Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép:

+ Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, hỗ trợ cải tạo mặt bằng đất ở, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất);

+ Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

d) Phân công thực hiện:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 2: 6.219,860 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 5.974,5 tỷ đồng (vốn đầu tư: 5.471,9 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 502,6 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 175,01 tỷ đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 70,350 tỷ đồng.

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Mục tiêu: Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Đối tượng:

+ Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng;

+ Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình;

+ Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

+ Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ;

+ Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan;

+ Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ;

+ Hỗ trợ chi phí lập hồ sơ thiết kế và kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu đối với các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng thuộc nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án này.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 13.835,352 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

+ Mục tiêu: Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đối tượng:

. Các hộ nghèo, cận nghèo; trong đó ưu tiên hộ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động, hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

. Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị.

+ Địa bàn: Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nội dung: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

. Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền lựa chọn đề hỗ trợ các dự án phát triển chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên trong chuỗi là người dân tộc thiểu số; tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;

Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ;

Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối;

Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

. Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó ưu tiên hỗ trợ các tổ, nhóm cộng đồng có từ 50% tổng số hộ trở lên trong tổ, nhóm là hộ nghèo, cận nghèo sinh sống tại xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn; tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyên gia kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

. Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

+ Phân công thực hiện:

. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành hướng dẫn tổ chức thực hiện;

. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

+ Mục tiêu: Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

+ Đối tượng:

. Các dự án phát triển sâu và được liệu quý có hoạt động ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ được liệu trong vùng;

. Thôn, xã, huyện, tỉnh nơi triển khai dự án.

+ Nội dung:

. Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án;

. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu;

. Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản được liệu và mua sắm trang thiết bị trong phạm vi thực hiện dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng được liệu ứng dụng công nghệ cao;

. Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ;

. Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh;

. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng;

. Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm;

. Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm;

. Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phân công thực hiện:

. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương nghiên cứu, khảo sát, hoàn thiện phương án phát triển dược liệu và phê duyệt dự án; xây dựng, đề xuất cơ chế quản lý, khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển dược liệu và hướng dẫn tổ chức thực hiện ở địa phương;

. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Mục tiêu: Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào dân tộc thiểu số dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

+ Đối tượng:

. Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Các trường đại học có đông sinh viên dân tộc thiểu số theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nội dung:

. Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Hỗ trợ xây dựng, vận hành các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại các trường đại học;

. Hỗ trợ xây dựng và vận hành thí điểm các dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại các tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng;

. Định kỳ hằng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

. Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phân công thực hiện:

. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hướng dẫn các trường đại học triển khai thực hiện các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng triển khai thực hiện các dự án thí điểm tại địa phương;

. Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan theo định kỳ, đột xuất, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo bố trí lồng ghép nguồn lực của địa phương, liên kết với các tổ chức, cá nhân có năng lực để thực hiện thí điểm các dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại địa phương.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 20.060,959 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 7.255,643 tỷ đồng (vốn đầu tư: 735 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 6.520,643 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 403,768 tỷ đồng;

+ Vốn vay tín dụng chính sách: 10.435,924 tỷ đồng;

+ Vốn huy động khác: 1.965,624 tỷ đồng.

c) Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu: Xây dựng các mô hình gắn kết quân dân, mô hình giảm nghèo bền vững gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thể trận phòng thủ và thể trận bảo đảm hậu cần tại các địa bàn chiến lược.

- Đối tượng:

+ Hộ gia đình người dân tộc thiểu số; hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo người dân tộc Kinh;

+ Các cơ sở sản xuất; cơ sở chế biến tiêu thụ sản phẩm; doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Các tổ chức, đoàn thể, cán bộ chuyên môn tham gia dự án.

- Phạm vi: Các xã khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn chiến lược về quốc phòng an ninh.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi: Hỗ trợ phát triển chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi tại chỗ; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan;

+ Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt (phát triển cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng, miền): Hỗ trợ phát triển trồng trọt; chế biến tiêu thụ sản phẩm tại chỗ; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan;

+ Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín, người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các dân tộc thiểu số và các em là người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống ở khu vực biên giới được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 1.140 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương).

3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có

đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung:

+ Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

. Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi;

. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn;

. Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã);

. Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Đầu tư, hỗ trợ kinh phí xây dựng thí điểm 04 nhà hỏa táng cho đồng bào dân tộc thiểu số Chăm và đồng bào các dân tộc sinh sống trên địa bàn các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, áp dụng công nghệ hiện đại do địa phương quyết định lựa chọn đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào (mỗi tỉnh 02 công trình);

. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

+ Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn chung về tổ chức thực hiện Tiểu dự án và hướng dẫn thực hiện Nội dung số 01; chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế chỉ đạo các địa

phương rà soát danh mục đầu tư bảo đảm không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn;

+ Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Nội dung số 02;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 27.792,442 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 27.461,302 tỷ đồng (vốn đầu tư: 25.239,702 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 2.221,6 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 331,140 tỷ đồng.

b) Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc

- Mục tiêu: Củng cố, tăng cường cơ sở vật chất, năng lực đào tạo của các trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; nâng cao chất lượng đào tạo hệ dự bị đại học cho học sinh dân tộc thiểu số để bảo đảm chất lượng đào tạo đại học người dân tộc thiểu số.

- Đối tượng: Các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực dân tộc, bao gồm: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Đại học Tây Bắc, Đại học Tây Nguyên, Đại học Tân Trào.

- Nội dung:

+ Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên và học sinh (Nhà ký túc xá, Nhà hiệu bộ, Trạm y tế học sinh dân tộc nội trú, Nhà thí nghiệm thực hành, Nhà thư viện tổng hợp, Nhà đa chức năng, Giảng đường, Nhà công vụ cán bộ giáo viên nội trú, sân vận động, bể bơi, công trình thể thao, Phòng công vụ giáo viên, Nhà ăn, nhà bếp, Phòng quản lý học sinh nội trú, Công trình vệ sinh, Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc; cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng);

+ Mua sắm trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập (Thiết bị, dụng cụ phục vụ chuyên đổi số và áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, các thiết bị thực hành, thí nghiệm; hệ thống máy tính, máy chiếu; thiết bị phục vụ giảng dạy tin học, ngoại ngữ, y, dược; dụng cụ giáo dục thể chất và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập); trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt nội trú của học sinh, phục vụ cho khối hành chính, phục vụ cho phòng họp, phòng chờ giáo viên, nhà ăn, nhà bếp, nhà đa chức năng và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập, sinh hoạt theo quy định.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầu tư đối với Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc;

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầu tư với Trường Đại học Tây Bắc, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Hữu nghị T78, Trường Hữu nghị 80;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầu tư đối với Trường Đại học Tân Trào.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 2.800 tỷ đồng (vốn đầu tư từ ngân sách trung ương).

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mục tiêu: Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

- Đối tượng:

+ Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú (bao gồm cả các trường có trụ sở không đóng trên địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn, biên giới; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp;

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (già làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng, trụ trì, sư, tăng, ni tại các chùa, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

- Nội dung:

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú:

. Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên;

. Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác;

. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số;

. Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có trường hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

. Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy học xóa mù chữ;

. Bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền;

. Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ;

. Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú:

. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác tổ chức, quản lý, dạy - học và các nội dung giáo dục đặc thù;

. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

. Số hóa hoặc in ấn và cấp phát miễn phí tài liệu cho các nhà trường.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 8.480,006 tỷ đồng, bao gồm:

+ Ngân sách trung ương là 8.351,780 tỷ đồng (vốn đầu tư 6.372,233 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 1.979,547 tỷ đồng).

+ Ngân sách địa phương: 128,226 tỷ đồng.

b) Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

+ Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng công an, quân đội công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng:

+ Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số: Cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các Bộ, ngành trung ương và cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Đào tạo đại học và sau đại học: Sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo đại học và sau đại học; ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn và phụ nữ dân tộc thiểu số.

- Nội dung:

+ Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng;

. Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng.

+ Nội dung số 02: Đào tạo đại học và sau đại học:

. Đối với đào tạo đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với quy mô đào tạo đạt tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người dân tộc thiểu số) thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

. Đối với đào tạo sau đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đạt tỷ lệ khoảng 0,7% cán bộ có trình độ sau đại học thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, dân tộc rất ít người và dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Phân công thực hiện:

+ Nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện, trong đó:

. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và cấp chứng chỉ, chứng nhận cho đối tượng 3, 4 ở Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an);

. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì lồng ghép kiến thức dân tộc vào chương trình đào tạo lý luận chính trị (hệ trung cấp, cao cấp, đại học); chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc biên soạn tài liệu, tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và cấp chứng chỉ, chứng nhận cho nhóm đối tượng 2 (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an); phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong thực hiện lồng ghép công tác tuyên truyền về dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng;

. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo cụ thể hóa chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm vùng miền cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng công an, quân đội thuộc nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 tại địa phương, đơn vị; xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số, tiếng dân tộc thiểu số.

+ Nội dung Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện.

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo thực hiện đào tạo đại học và sau đại học theo thẩm quyền.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 1.974,405 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương).

c) Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

+ Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Đối tượng:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

- Nội dung:

+ Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo;

+ Hỗ trợ đào tạo nghề;

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Xây dựng, biên soạn, chỉnh sửa chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy các chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng

dạy; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo;

+ Thông tin, tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 12.620,703 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 7.614,241 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 5.006,462 tỷ đồng.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Mục tiêu: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

- Đối tượng:

+ Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực;

+ Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban, ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương;

+ Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng;

+ Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 4: 1.462,9 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương).

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm công tác dân tộc, văn hóa, thể thao, du lịch; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Đối tượng:

+ Tỉnh, thành phố, huyện có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số;

+ Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số;

- + Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc;
 - + Cán bộ, công chức làm công tác văn hóa, thể thao, du lịch;
 - + Các di tích, dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch nằm trong và ngoài danh mục địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
 - + Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số;
 - + Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
 - + Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Nội dung:
- + Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người;
 - + Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;
 - + Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch;
 - + Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận;
 - + Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến các nội dung hỗ trợ của Dự án; lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể;
 - + Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị văn hóa khác);
 - + Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng);
 - + Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư;
 - + Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống;
 - + Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch;

+ Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số;

+ Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số;

+ Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

+ Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích và các dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch nằm trong và ngoài danh mục địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 6: 5.984,059 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 3.233,528 tỷ đồng (vốn đầu tư: 1.828,9 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 1.404,628 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 2.224,776 tỷ đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 525,755 tỷ đồng.

6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Mục tiêu: Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng:

+ Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi.

+ Các trung tâm y tế huyện và bệnh viện tuyến huyện có trụ sở nằm trong và ngoài danh mục địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn, bản, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn, bản.

- Nội dung:

+ Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

. Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện, bệnh viện tuyến huyện;

. Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn;

. Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã;

. Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã;

. Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản;

. Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

+ Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh;

. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới;

. Nâng cao năng lực quản lý dân số;

. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số:

. Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số;

. Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em;

. Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các Bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 7: 2.093,181 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.496,692 tỷ đồng (vốn đầu tư: 455,433 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 1.041,259 tỷ đồng).

+ Ngân sách địa phương: 596,489 tỷ đồng.

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

- Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

- Nội dung:

+ Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em:

. Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng;

. Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em;

. Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em;

. Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em:

. Triển khai các hoạt động truyền thông, đào tạo, hỗ trợ nâng cao quyền năng của phụ nữ trong tiếp cận tài chính toàn diện, thúc đẩy giáo dục tài chính cho phụ nữ;

. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số;

. Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ tin cậy, chú trọng phòng ngừa, tiếp nhận, hỗ trợ bảo vệ người bị bạo lực gia đình trên cơ sở giới;

. Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

+ Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị:

. Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương;

. Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em trong phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ “thủ lĩnh của sự thay đổi”;

. Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình;

. Nâng cao năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

+ Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng:

. Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới;

. Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới;

. Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp;

. Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

- Phân công thực hiện:

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các bộ, ngành liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

+ Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn định mức chi, nội dung thanh, quyết toán nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Dự án 8: 2.387,812 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 2.382,427 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 5,385 tỷ đồng.

8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- Mục tiêu:

+ Xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Đầu tư phát triển bền vững cho cộng đồng người Đan Lai (thuộc dân tộc Thổ) gắn với bảo vệ phát triển rừng, môi trường sinh thái tại Vườn Quốc gia Pù Mát, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

- Đối tượng:

+ Đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

+ Hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Hộ gia đình người Đan Lai (thuộc dân tộc Thổ) sinh sống tại 02 bản: Cò Phạt, Búng thuộc vùng lõi vườn Quốc gia Pù Mát, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An;

+ Các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc có khó khăn đặc thù, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 sinh sống ổn định thành cộng đồng.

- Phạm vi: Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, hộ dân tộc có khó khăn đặc thù, hộ người Đan Lai và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025. Các hộ, thôn thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này có cùng nội dung chính sách với các dự án khác của Chương trình chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Nội dung:

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các thôn tập trung đồng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, có tỷ lệ hộ nghèo cao; ưu tiên đầu tư các thôn đặc biệt khó khăn, cụ thể:

. Về đường giao thông: Xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa, cứng hóa đường giao thông từ trung tâm xã đến các thôn, bản, đường nội thôn, liên thôn;

. Về điện sản xuất, sinh hoạt: Bổ sung các trạm biến áp và lưới điện phân phối đến các hộ dân;

. Về thủy lợi: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ;

. Công trình chống sạt lở: Xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm thôn, bản có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học;

. Các công trình về văn hóa - giáo dục: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng, trạm chuyển tiếp phát thanh xã, công trình phục vụ phát triển du lịch cộng đồng; kiên cố hóa các lớp học, sân chơi cho trẻ mẫu giáo, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế:

. Đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ tiêm vắc-xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm;

Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn, bản và tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng;

Hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

. Đối với các hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn: Hỗ trợ một lần trực tiếp theo hộ hoặc nhóm hộ trong giai đoạn 2021-2025 để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo các nội dung sau: Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng, thuốc thú y, vật tư y tế, dụng cụ thú y để chăm sóc vật nuôi và các vật tư nông nghiệp khác theo quy định; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định hiện hành.

+ Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

+ Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

. Đối với bà mẹ mang thai: Tổ chức hoạt động tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; khám, quản lý thai nghén và chăm sóc y tế đối với phụ nữ mang thai, hỗ trợ phụ nữ mang thai được tầm soát các loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến; hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số và phương tiện đi lại cho bà mẹ mang thai;

. Đối với trẻ em dưới 05 tuổi: Hỗ trợ trẻ sơ sinh được tầm soát các loại bệnh bẩm sinh phổ biến; điều trị, cung cấp bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi; hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng công thức (cơm/cháo dinh dưỡng công thức ăn liền) cân đối hợp lý và sữa học đường cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

. Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung.

+ Đầu tư phát triển bền vững cho cộng đồng người Đan Lai tại Vườn Quốc gia Pù Mát, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An:

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ phát triển cộng đồng;

Hỗ trợ xây dựng nhà ở, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi;

Hỗ trợ khai hoang cải tạo đất sản xuất, giống, vật tư sản xuất;

Hỗ trợ về giáo dục, văn hóa, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân;

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tộc người Đan Lai.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn bảo đảm không trùng lặp đối tượng, nội dung với các Dự án, Tiểu dự án khác thuộc Chương trình; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 6.699,138 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 6.610,272 tỷ đồng (vốn đầu tư: 1.966,409 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 4.643,863 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 88,866 tỷ đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu:

+ Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù;

+ Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào năm 2025;

+ Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao;

+ Đến năm 2025, phần đầu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng:

+ Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;

+ Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

+ Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;

+ Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung:

+ Công tác truyền thông:

. Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

. Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

+ Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan xác định đối tượng, địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

+ Bộ Y tế hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thuộc Tiểu dự án;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 727,714 tỷ đồng. Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 581,284 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 146,43 tỷ đồng.

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

+ Mục tiêu: Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp

của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

+ Đối tượng:

. Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

. Các điển hình tiên tiến ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

+ Nội dung:

. Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

. Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

. Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

. Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao;

. Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực của đời sống xã hội;

. Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến;

. Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh; 5 năm/lần đối với cấp Trung ương) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Già làng, trưởng bản, người có uy tín; nhân sĩ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người dân tộc thiểu số và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực, vùng miền (định kỳ 3 năm/lần tổ chức hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm theo khu vực, vùng miền: miền núi phía Bắc, duyên hải miền trung, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, khu vực biên giới và một số địa phương khác);

. Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phân công thực hiện:

. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và Nhân dân.

+ Đối tượng:

. Người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương;

. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã; thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

+ Nội dung:

. Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với vùng miền, địa phương cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số;

. Đặt hàng cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023 – 2025 theo Quyết định số 752 /QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

. Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

. Xây dựng Báo Dân tộc và Phát triển thành cơ quan truyền thông đủ năng lực đáp ứng yêu cầu về công tác dân tộc và thông tin tuyên truyền hiệu quả, kịp thời về Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

. Xây dựng Tạp chí Dân tộc điện tử;

. Đầu tư cho Đài Phát thanh - Truyền hình các tỉnh: Sóc Trăng, Ninh Thuận đáp ứng được yêu cầu phục vụ đồng bào dân tộc Khmer, Chăm;

. Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

+ Phân công thực hiện:

. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện;

. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

+ Đối tượng: Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

+ Nội dung:

. Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

. Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh có xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông và các hoạt động khác để truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý và hiểu biết của người dân về trợ giúp pháp lý bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại.

+ Phân công thực hiện:

. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện, báo cáo theo quy định;

. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 3.066,441 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 2.799,878 tỷ đồng (vốn đầu tư: 200 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 2.599,878 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 266,563 tỷ đồng.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Đối tượng:

+ Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương; Văn phòng điều phối Chương trình ở cấp trung ương và các cơ quan thường trực Chương trình ở địa phương;

+ Các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Nội dung:

+ Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030: Hệ thống thông tin phục vụ công tác hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, báo cáo, thống kê, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn; thực hiện các hoạt động khác theo quy định và các đề án, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện công tác chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

+ Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án (trừ nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện);

+ Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự”;

+ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 1.549,342 tỷ đồng từ ngân sách trung ương (vốn đầu tư: 993,621 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 555,721 tỷ đồng).

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp sau điều chỉnh.

- Đối tượng:

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

+ Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

- Nội dung:

+ Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiêu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động);

+ Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình;

+ Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban, ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình;

+ Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình;

+ Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

+ Tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình sau điều chỉnh;

+ Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương.

- Phân công thực hiện:

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện;

+ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo thẩm quyền thực hiện giám sát, phản biện xã hội quá trình triển khai thực hiện Chương trình; thực hiện tuyên truyền, truyền thông, tập huấn về nghiệp vụ giám sát và phản biện xã hội. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá về việc triển khai giám sát và phản biện xã hội, truyền thông, tuyên truyền, tập huấn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiêu dự án 3: 593,197 tỷ đồng (không bao gồm nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng bộ chỉ số KPI của Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 5), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 589,912 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 3,285 tỷ đồng.

III. ĐIỀU CHỈNH PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương:

a) Bộ Dân tộc và Tôn giáo

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình hằng năm và giai đoạn 5 năm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, gửi Bộ Tài chính theo quy định;

- Trong quá trình thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung/hoạt động đầu tư/hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình; rà soát, cập nhật các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình theo chủ trương đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 và quy định khác có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phần đầu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, giai đoạn 5 năm để thực hiện Chương trình cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính tổng hợp;

- Chủ trì xây dựng hướng dẫn các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2025 và kế hoạch hằng năm sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các Bộ, ngành và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo thẩm quyền thuộc: Dự án 1; Dự án 2; Dự án 3 (Nội dung số 01 và Nội dung số 03, Tiểu dự án 2); Dự án 4 (Tiểu Dự án 1; Tiểu Dự án 2, trừ nội dung do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân

tỉnh Tuyên Quang chủ trì thực hiện); Dự án 5 (Tiểu Dự án 2, trừ nội dung do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện; Tiểu Dự án 4); Dự án 9 (Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2); Dự án 10 (Tiểu Dự án 1, gồm: Nội dung số 01, Nội dung số 02, trừ nội dung do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện; Tiểu Dự án 2, trừ nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì thực hiện; Tiểu Dự án 3);

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí và các bộ, cơ quan, địa phương, cơ quan truyền thông có liên quan làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

b) Bộ Tài chính

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Tổng hợp phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các Bộ, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách triển khai qua Ngân hàng Chính sách xã hội trong Chương trình;

- Chủ trì phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp để đảm bảo hoạt động của Chương trình;

- Cân đối, bố trí đủ vốn sự nghiệp và có kế hoạch bổ sung vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Chủ trì xây dựng, ban hành quy định về quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

d) Các Bộ, cơ quan trung ương là Chủ dự án thành phần thuộc Chương trình

- Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm và hằng năm giao cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện đối với Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì;

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương;

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao thực hiện rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật để làm căn cứ triển khai thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các Bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp;

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các Bộ, ngành;

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

đ) Các Bộ, cơ quan trung ương tham gia thực hiện Chương trình: Có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các Chương trình, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

e) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi Cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan liên quan theo quy định;

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, đột xuất;

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các sở, ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao;

- Chỉ đạo kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp và bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp phù hợp với các Nghị quyết của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Trân trọng đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời các kiến nghị, đề xuất của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân theo quy định; tham mưu, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những nội dung vượt thẩm quyền./.